

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **93/2022/HS-PT**

Ngày: 08/12/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hùng;

Các Thẩm phán: Ông Võ Nguyên Tùng và ông Lê Trúc Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lê Vân – Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Văn Tám – Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 08 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 81/2022/TLPT-HS ngày 26 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo Trần B do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2022/HS-ST ngày 06/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã SC, tỉnh Phú Yên.

- Bị cáo có kháng cáo: **Trần B**, (Tên gọi khác: HB), sinh năm 1953; tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn CL, xã XL, thị xã SC, tỉnh Phú Yên; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; nghề nghiệp: Làm nông; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần D (chết) và bà Trần Thị N (chết); có vợ Trịnh Thị T, sinh năm 1960 và 06 người con, lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 20/11/2018, bị UBND xã XL xử phạt vi phạm hành chính số tiền 4.000.000 đồng về hành vi lấn chiếm đất (bị cáo chưa chấp hành nộp phạt), ngày 30/01/2019, bị UBND xã XL xử phạt vi phạm hành chính số tiền 5.000.000 đồng về hành vi lấn chiếm đất (chưa chấp hành nộp phạt); nhân thân: Bị cáo đang bị Cơ quan CSĐT điều tra, xử lý hành vi lấn chiếm đất của Trường THCS BTX để trồng dừa, keo nhiều lần trong khoảng thời gian từ tháng 10/2018 đến tháng 4/2021; Bị cáo tại ngoại; Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 1983, Trường cấp 2 XL (quá trình hoạt động lần lượt đổi tên thành Trường cấp 2-3 QT, Trường cấp 2-3 PCT, hiện nay là Trường Trung học cơ sở (THCS) BTX) có trồng vườn điều tại khu vực thửa đất do Nhà trường sử dụng. Đến ngày 12/12/2008, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Phú Yên đã cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số AI 4989xx đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 00, diện tích 45.626m², tọa lạc tại thôn CL, xã XL cho Trường phổ thông cấp 2-3 PCT (nay là Trường THCS BTX) trong đó bao gồm cả diện tích vườn điều nêu trên. Qua quá trình hoạt động, vì chưa đủ kinh phí đến nay Trường THCS BTX chỉ mới xây dựng tường rào được một phần trong khu dạy học mà chưa xây tường rào hết toàn bộ diện tích đất được cấp nên vườn cây điều nêu trên hiện tọa lạc tại khu vực tiếp giáp phía Bắc tường rào đã xây dựng của Trường THCS BTX. Đến năm 2019, gia đình ông Trần B có tranh chấp quyền sử dụng đất với Trường THCS BTX, trong diện tích tranh chấp có diện tích vườn cây điều do Nhà trường trồng vào năm 1983, đã được UBND tỉnh Phú Yên cấp Giấy CNQSD đất và được Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên thụ lý giải quyết. Ngày 22/4/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành Bản án số 05/2021/DS-ST tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của gia đình ông Trần B; Trường THCS BTX được quyền sử dụng đất theo Giấy CNQSD đất số AI 4989xx đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 00, diện tích 45.626m². Do Trần B có kháng cáo, ngày 30/11/2021 Tòa án nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng ban hành bản án số 230/2021/DS-PT tuyên y án sơ thẩm. Tuy Trần B đã nhiều lần được Ủy ban nhân dân (UBND) xã XL làm việc và thông báo về việc Trường THCS BTX đã được UBND tỉnh Phú Yên cấp Giấy CNQSD đất, nhưng vì mục đích để có tiền tiêu xài và tranh chấp quyền sử dụng đất với Trường THCS BTX nên Trần B đã nảy sinh ý định rao bán vườn cây điều trong thửa đất của Nhà trường. Do đó, trước ngày 08/11/2020 cách khoảng 01 tuần, Trần B đến tiệm cắt tóc “ĐH” thuộc thôn BT, xã XB gặp anh Nguyễn Xuân H và B nói với anh H việc bán vườn cây điều phía sau tường rào Trường THCS BTX. Huy nghĩ rằng vườn cây điều là thuộc quyền sở hữu của B nên anh H đã nói lại với anh Nguyễn Duy S để mua vườn cây điều, mục đích khai thác gỗ thì S cũng nghĩ rằng vườn điều là thuộc sở hữu của B nên S đến gặp B và được B dẫn đi xem vườn cây điều. S thỏa thuận với Trần B mua với giá 1.500.000 đồng và nếu có lời thì S sẽ đưa thêm cho Trần B số tiền 500.000 đồng. Để lén lút với chủ sở hữu là Trường THCS BTX, lợi dụng lúc không có ai trông coi, vắng người nên Trần B yêu cầu anh Nguyễn Duy S đến cưa, cắt cây vườn điều vào ngày chủ nhật (tức ngày 08/11/2020) mục đích là để không bị Nhà trường phát hiện.

Đến sáng ngày 08/11/2020, S thuê các nhân công gồm anh Lê Phùng N,

Ngô Văn B và 01 thanh niên (không rõ nhân thân lai lịch) đến sử dụng máy cưa và rựa cắt vườn cây điều của Trường THCS BTX và S thuê anh Nguyễn Văn P chạy xe ba gác máy đến để chở gỗ điều. Đến khoảng hơn 10 giờ cùng ngày, trong lúc những người nêu trên đang cưa, cắt vườn điều và anh B1 báo cáo sự việc cho Công an xã XL đến làm việc. Tại thời điểm này, S và nhóm nhân công đã cưa, cắt được 12 cây điều, trong đó có 11 cây còn sống và 01 cây đã chết khô. Tiến hành kiểm tra xác định vườn điều còn 42 cây điều; trong đó 38 cây còn sống và 04 cây đã chết khô.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐG ngày 04/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng thị xã SC kết luận: Tổng giá trị vườn cây điều là 14.700.000 đồng, trong đó có 11 cây điều trồng hạt đang cho quả đã bị cưa cắt trị giá 3.300.000 đồng và 38 cây điều trồng hạt đang cho quả trị giá 11.400.000 đồng. Riêng đối với các cây điều đã chết trước thời điểm xảy ra sự việc thì không còn giá trị.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2022/HS-ST ngày 06/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã SC, tỉnh Phú Yên đã tuyên bị cáo Trần B phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; phạt: Trần B 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phạt xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/9/2022, bị cáo Trần B kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bị cáo khai nhận chính bị cáo là người bán vườn điều (42 cây) cho anh Nguyễn Duy S với giá 1.500.000 đồng và yêu cầu anh S đến cưa cắt cây điều vào ngày chủ nhật (ngày 08/11/2020). Tuy nhiên, bị cáo cho rằng diện tích đất có trồng cây điều là đất của bị cáo, đồng thời bị cáo thừa nhận vườn điều không phải do bị cáo trồng.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên toà, bị cáo Trần B cho rằng diện tích đất có trồng 42 cây điều là đất của bị cáo. Tuy nhiên, căn cứ bản án số 05/2021/DS-ST ngày 02/4/2021 của Toà án nhân dân tỉnh Phú Yên và bản án số 230/2021/DS-PT ngày 30/11/2021 của Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đều xác định trường THCS BTX (xã XL, thị xã SC) được quyền sử dụng diện tích đất 45.626 m² (trong đó có 42 cây điều trên đất), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI4989xx ngày 12/12/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên. Mặt khác, lời khai của những người làm chứng gồm: ông Phan Văn P, ông Đoàn Ngọc T và ông Nguyễn Hữu L đều xác định vườn cây điều là do học sinh và giáo viên trường THCS BTX trồng vào niên học 1982-1983. Do đó, không có cơ sở chấp nhận lời trình bày trên của bị cáo.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên toà sơ thẩm, phúc thẩm đều phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, đủ cơ sở kết luận: Để có tiền tiêu xài và tranh chấp quyền sử dụng đất, ngày 08/11/2020 tại thôn CL, xã XL, thị xã SC, tỉnh Phú Yên, bị cáo Trần B đã lén lút bán vườn điều của trường THCS BTX cho ông Nguyễn Duy S có giá trị 14.700.000 đồng. Hành vi của bị cáo Trần B đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” - quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, nên cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử bị cáo Trần B về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[3] *Xét kháng cáo của bị cáo Trần B. Hội đồng xét xử thấy:* Hành vi phạm tội của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác trái pháp luật, gây mất trật tự trị an – an toàn xã hội ở địa phương, nên cần xử phạt nghiêm. Khi lượng hình án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, xem xét nhân thân, áp dụng đúng và đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng quy định tại điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 (Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ đang bị bệnh, con bị nhiễm chất độc màu da cam, bị tật nguyền, mẹ ruột bị cáo là bà Trần Thị N có thời gian tham gia dân công hỏa tuyến, bị cáo đã tham gia, hoàn thành nghĩa vụ quân sự) Điều 51 Bộ luật Hình sự, để phạt bị cáo 06 tháng tù, không cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp, đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm tại địa phương. Do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo mà chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên, giữ nguyên bản án sơ thẩm, để có đủ thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo.

[3] Bị cáo Trần B kháng cáo không được chấp nhận, phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo hoặc kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần B – Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố: Bị cáo Trần B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Về Hình phạt: Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Phạt: Bị cáo Trần B – 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Trần B phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao Đà Nẵng (1);
- VKSND cấp cao Đà Nẵng (1);
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND thị xã SC (2);
- VKSND thị xã SC (1);
- Công an thị xã SC (1);
- PV 06 (1);
- Sở tư pháp (1);
- NTGTT;
- Lưu án văn (1); lưu hồ sơ (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Hùng